QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.

PHẦN 2: HỖN HỢP KHOÁNG (PREMIX KHOÁNG), HỖN HỢP VITAMIN (PREMIX VITAMIN)

National technical regulation On environmental treating products in aquaculture

Part 2: Mineral mixture, Vitamin mixture

Lời nói đầu

QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT do Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 biên soạn, Tổng cục Thủy sản trình, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 3 năm 2020.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.

PHẦN 2: HỖN HỢP KHOÁNG (PREMIX KHOÁNG), HỖN HỢP VITAMIN (PREMIX VITAMIN)

National technical regulation On environmental treating products in aquaculture.

Part 2: Mineral mixture, Vitamin mixture

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu an toàn và mức giới hạn cho phép đối với hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) và hỗn hợp khoáng - vitamin xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Mã HS 2842.90.90).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, nhập khẩu hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) và hỗn hợp khoáng - vitamin xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

EN 16277:2012. Animal feeding stuffs - Determination of mercury by cold-vapour atomic absorption spectrometry (CVAAS) after microwave pressure digestion (extraction with 65 % nitric acid and 30 % hydrogen peroxide) - Xác định thủy ngân bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hơi lạnh (CVAAS) sau khi phân hủy bằng áp lực trong lò vi sóng.

TCVN 7924 - 2: 2008. Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Phương pháp định lượng *Escherichia coli* dương tính beta-glucuronidaza. Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl beta- D-glucuronid.

TCVN 8126:2009 về Thực phẩm - Xác định hàm lượng chì, cadimi, kẽm, đồng và sắt - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử sau khi đã phân hủy bằng vi sóng.

TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009) về Thức ăn chăn nuôi - Xác định canxi, natri, phospho, mgiê, kali, sắt, kẽm, đồng, mangan, coban, molypden, asen, chì và cadimi bằng phương pháp đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng cao tần (ICP-ASE)

TCVN 10643:2014 (AOAC 999.11) về Thực phẩm - Xác định hàm lượng chì, cadimi, đồng, sắt và kẽm - Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử sau khi tro hóa khô.

TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017). Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của salmonella - Phần 1: Phương pháp phát hiện salmonella spp.

1.4. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1. *Hỗn hợp khoáng (premix khoáng)* là hỗn hợp của các khoáng đơn và chất mang.

1.4.2. *Hỗn hợp vitamin (premix vitamin)* là hỗn hợp của các vitamin đơn và chất mang.

1.4.3. *Hỗn hợp khoáng - vitamin* là hỗn hợp của các khoáng đơn, vitamin đơn và chất mang.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Hỗn hợp khoáng (premix khoáng)

Bảng 1: Giới hạn tối đa cho phép đối với hỗn hợp khoáng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	Asen (As)	mg/kg (lít)	12
2	Chì (Pb)	mg/kg (lít)	15
3	Cadimi (Cd)	mg/kg (lít)	5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (lít)	0,2

2.2. Hỗn hợp vitamin (premix vitamin)

Bảng 2: Giới hạn tối đa cho phép đối với hỗn hợp vitamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	*Salmonella*	cfu/25g (ml)	Không phát hiện
2	*E coli*	cfu/g (ml)	10^3

2.3. Hỗn hợp khoáng - vitamin

Bảng 3: Giới hạn tối đa cho phép đối với hỗn hợp khoáng-vitamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	Asen (As)	mg/kg (lít)	12
2	Chì (Pb)	mg/kg (lít)	15
3	Cadimi (Cd)	mg/kg(lít)	5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (lít)	0,2
5	*Salmonella*	cfu/25g (ml)	Không phát hiện
6	*E. coli*	cfu/g (ml)	10^3

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1 Lấy mẫu

Lấy mẫu thử nghiệm thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn quốc gia về lấy mẫu sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

3.2 Chuẩn bị mẫu

Theo TCVN 6952: 2001 (ISO 9498:1998). Thức ăn chăn nuôi - Chuẩn bị mẫu thử.

3.3 Phương pháp thử

STT	Chỉ tiêu xác định	Phương pháp thử(1)
1	Asen (As)	TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009)
2	Cadimi (Cd), Chì (Pb)	TCVN 10643:2014,

		TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009), TCVN 8126:2009
4	Thuỷ ngân (Hg)	EN 16277:2012.
5	*Salmonella*	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
6	*E. coll*	TCVN 7924-2:2008.

(1) *Chấp thuận các phương pháp thử nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc phương pháp thử nghiệm khác được chỉ định theo quy định của pháp luật.*

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Công bố hợp quy

4.1.1. Biện pháp công bố hợp quy

Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) và hỗn hợp khoáng - vitamin xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo biện pháp:

4.1.1.1. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước: Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.1.1.2. Đối với sản phẩm nhập khẩu: Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.1.2. Trình tự công bố hợp quy

Trình tự công bố hợp quy và hồ sơ công bố hợp quy theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

4.2. Đánh giá sự phù hợp

4.2.1. Phương thức đánh giá sự phù hợp

Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự phù hợp hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) và hỗn hợp khoáng - vitamin xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo phương thức:

4.2.1.1. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước: thực hiện theo phương thức 5 (thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất).

Trường hợp cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất.

4.2.1.2. Đối với sản phẩm nhập khẩu: thực hiện theo phương thức 7 (thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa).

4.2.2. Trình tự đánh giá sự phù hợp

Nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tổ chức, cá nhân quy định tại mục 1.2 có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Tổng cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

6.2. Tổng cục Thủy sản phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

6.3. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới.